

Bộ câu hỏi ôn Phần 2 · Lớp Yêu Mic (v2)

Mỗi câu gồm: **Ý chính** (nói đầu tiên), **Ý phụ** (các ý nhỏ, tô đậm từ khoá), **Ví dụ minh hoạ** (câu nói mẫu để dễ nhớ). Bài 1–5 và bài 8 bám sát giáo trình và ghi chú tay; bài 6, bài 7 (phần phong thái ngồi, lắng nghe) và các câu tình huống là gợi ý theo tinh thần bài học. Chỗ ghi chú tay khó đọc (bài 3, bài 7) nên đối chiếu lại với vở. Ví dụ chỉ là mẫu, hãy thay bằng chuyện của chính mình.

Mẹo trả lời

- **Công thức trả lời 3 bước:** Ý chính → Ý phụ → Ví dụ, chốt lại bằng một câu.
- Câu hỏi kiến thức: nói **đúng số lượng** (ví dụ 'có 4 quy tắc') rồi liệt kê.
- Câu tình huống: **Bình tĩnh** → **Xử lý** → **Rút kinh nghiệm**.
- Đứng thẳng, nhìn giám khảo, **nói chậm hơn bình thường**, ngừng 1 giây trước khi trả lời.
- Không biết thì **nói thật**, chia sẻ phần mình biết, không bịa.

Bài 1 · Cầm micro và lỗi thường gặp

Câu 1. Nêu 4 quy tắc cầm mic.

Ý chính: Có 4 quy tắc: on/off, ngón tay, khoảng cách, góc nghiêng.

Ý phụ:

- **On/off:** bật mic trước khoảng **3 giây** rồi mới nói
- **Ngón tay:** ngón cái để bên trong, **4 ngón** còn lại phía ngoài
- **Khoảng cách:** miệng cách đầu mic **2–5 cm**
- **Góc nghiêng:** khoảng **45 độ**

Ví dụ minh hoạ: Trước khi nói: bật mic, đếm 1-2-3 trong đầu, cầm nghiêng 45 độ, đưa cách miệng 2–5 cm, rồi mới nói 'Kính chào quý vị'.

Câu 2. Vì sao cần cầm mic đúng cách?

Ý chính: Để âm thanh ổn định và phong thái chuẩn đẹp, từ đó tự tin hơn khi nói.

Ý phụ:

- Mic quá xa: khán giả nghe nhỏ, mất chữ
- Mic quá sát: tiếng bị bể, dễ hú
- Tay cầm gọn: dáng đẹp, không bị run lộ ra

Ví dụ minh hoạ: MC cầm mic che kín đầu mic bằng cả bàn tay: tiếng bị ù, khán giả cuối phòng nghe không rõ.

Câu 3. Kể 3 lỗi cần tránh khi dùng mic.

Ý chính: 3 lỗi: kiểm tra tín hiệu, thử giọng, cầm mic.

Ý phụ:

- **Lỗi kiểm tra tín hiệu:** gõ, thổi vào mic
- **Lỗi thử giọng:** nói bừa, 'a-lô a-lô' vô nghĩa
- **Lỗi cầm mic:** che đầu mic, đưa quá xa hoặc quá sát miệng

Ví dụ minh họa: Thay vì thổi 'phù phù', hãy nói thử một câu thật: 'Xin chào quý vị, mình thử âm thanh một chút.'

Bài 2 · Bố cục bài nói và giới thiệu tên ấn tượng

Câu 4. Bố cục một bài nói hoàn hảo gồm những phần nào?

Ý chính: 3 phần: Mở bài – Thân bài – Kết bài.

Ý phụ:

- **Mở bài:** lời chào (xác định đối tượng cần chào) + giới thiệu tên, nghề
- **Thân bài:** lý do + mong muốn
- **Kết bài:** cảm ơn + lời chúc theo mốc thời gian (buổi sáng, tối, ngày mới, ngon miệng, nhiều niềm vui...)

Ví dụ minh họa: 'Kính chào quý thầy cô và các bạn. Mình là Lan, làm kế toán. [thân bài]. Xin cảm ơn, chúc cả lớp một buổi tối nhiều niềm vui.'

Câu 5. Nội dung thân bài nên triển khai theo mô hình nào?

Ý chính: Theo mô hình 'cái cây': ý chính → ý phụ → ví dụ.

Ý phụ:

- **Ý chính:** thân cây, nói trong một câu
- **Ý phụ:** các nhánh, giải thích cho rõ
- **Ví dụ:** lá cây, chuyện thật hoặc hình ảnh cụ thể

Ví dụ minh họa: Ý chính: Làm cộng đồng giúp mình trưởng thành. Ý phụ: học được kiên nhẫn. Ví dụ: dạy người lớn tuổi một thao tác phải nói ba lần.

Câu 6. Có những cách giới thiệu tên ấn tượng nào?

Ý chính: Có 3 cách: chơi chữ, kể câu chuyện về tên, gắn tên với đặc điểm nhận diện.

Ý phụ:

- **Chơi chữ** với tên
- **Câu chuyện** về cái tên
- **Gắn tên** với đặc điểm nhận diện

Ví dụ minh họa: Chơi chữ: 'Mình tên Lan, lan tỏa năng lượng tích cực.' · Câu chuyện: 'Ba mẹ đặt tên Hạnh vì mong mình luôn hạnh phúc.' · Đặc điểm: 'Mình là Nam, người cao nhất lớp, nhớ tên mình là nhớ người cao 1m85.'

Câu 7. Hãy giới thiệu tên bạn thật ấn tượng trong 20 giây.

Ý chính: Theo thứ tự: chào → tên/ngành → điểm ấn tượng → mong muốn → cảm ơn.

Ý phụ:

- Chào đúng đối tượng
- Tên + nghề, gắn một hình ảnh hoặc câu chuyện nhỏ
- Một mong muốn ngắn
- Cảm ơn, mỉm cười

Ví dụ minh họa: 'Kính chào quý thầy cô và các bạn. Mình là Lan, làm kế toán, bạn bè hay gọi mình là Lan lan tỏa vì mình hay rủ mọi người đi tình nguyện. Mong được học hỏi từ cả lớp. Xin cảm ơn!'

Bài 3 · Phong thái đẹp và tự tin

Câu 8. Hiệu quả của phong thái gồm những tỉ lệ nào?

Ý chính: 55% ngôn ngữ cơ thể · 38% giọng nói, ngữ điệu · 7% ngôn từ.

Ý phụ:

- 7% ngôn từ (nói gì)
- 38% giọng nói và ngữ điệu (nói thế nào)
- 55% ngôn ngữ cơ thể (trông thế nào)
- Kết luận: cách nói quan trọng hơn lời nói

Ví dụ minh họa: Cùng câu 'Mình rất vui' nhưng mặt lạnh, giọng đều đều: khán giả không tin. Mỉm cười, giọng sáng: ai cũng tin.

Câu 9. Phong thái khi thuyết trình gồm những yếu tố nào?

Ý chính: Có 5 yếu tố cần chuẩn bị.

Ý phụ:

- Vị trí đứng trên sân khấu
- Dáng đứng đẹp
- Ngôn ngữ hình thể linh hoạt
- Tương tác mắt
- Trang phục phù hợp

Ví dụ minh họa: Bước ra giữa sân khấu, đứng thẳng, nhìn khán giả, mỉm cười, rồi mới nói câu đầu.

Câu 10. Ngôn ngữ hình thể linh hoạt gồm những gì?

Ý chính: Gồm thần thái, nụ cười, ánh mắt, cơ mặt, cử chỉ, thể hiện cảm xúc theo nội dung đang nói.

Ý phụ:

- Vui: mỉm cười, tay mở
- Trang trọng: dáng thẳng, tay gọn
- Tránh: khoanh tay, đút túi, đung đưa người

Ví dụ minh họa: Nói 'ánh đèn' thì tay mở ra; nói 'mẹ chọn không cho con thấy mình mệt' thì tay đặt lên ngực.

Câu 11. Tương tác mắt khi thuyết trình như thế nào?

Ý chính: Chia khán phòng thành các vùng và nhìn lần lượt.

Ý phụ:

- Nhìn trái – giữa – phải, mỗi ý một vùng
- Câu quan trọng nhìn **thẳng một người**
- Không nhìn giấy, trần nhà hay sàn

Ví dụ minh họa: Ý 1 nhìn bên trái, ý 2 nhìn giữa, ý 3 nhìn bên phải, câu kết nhìn thẳng một bạn.

Câu 12. Chọn trang phục phù hợp dựa trên yếu tố nào?

Ý chính: Dựa vào **vai trò, không gian – bối cảnh, chủ đề**.

Ý phụ:

- Đẹp, **đáng tin**, thoải mái nhất
- Chọn màu thể hiện sự thông minh (theo ghi chú)
- Phù hợp khán giả và hoàn cảnh

Ví dụ minh họa: Thi cuối khóa: áo sơ mi hoặc áo dài nhã, màu trầm hoặc hồng nhạt, giày đế đứng lâu.

Câu 13. Phong thái khi giao tiếp gồm những gì?

Ý chính: 4 nội dung: dáng ngồi, tương tác mắt, không bị bí từ, xử lý tình huống.

Ý phụ:

- **Dáng ngồi** đẹp, lưng thẳng
- **Mắt:** nhìn người đối diện
- **Không bí từ:** thở, dùng câu đệm, hỏi ngược lại
- **Xử lý tình huống** bình tĩnh

Ví dụ minh họa: Ngồi talkshow: lưng thẳng, nghiêng người nhẹ về phía người nói, gật đầu khi nghe.

Bài 4 · Giọng nói biểu cảm

Câu 14. Nêu 4 yếu tố của giọng nói biểu cảm.

Ý chính: 4 yếu tố: tốc độ, cao độ, cường độ, trường độ.

Ý phụ:

- **Tốc độ:** nhanh/chậm
- **Cao độ:** giọng cao/thấp (tông)
- **Cường độ:** to/nhỏ
- **Trường độ:** kéo dài, ngắt, nghỉ (nhịp thở cảm xúc)

Ví dụ minh họa: 'Tối nay (ngừng), về nhà (chậm), hãy nói (nhấn) con cảm ơn mẹ.'

Câu 15. Nói quá nhanh hoặc quá chậm mắc lỗi gì?

Ý chính: Nhanh: người nghe căng thẳng. **Chậm:** người nghe buồn ngủ, mất nhịp.

Ý phụ:

- Quá nhanh: không kịp hiểu, thấy mình bị 'dồn'

- Quá chậm: chán, mất tập trung

Ví dụ minh họa: *Đọc một mạch không nghỉ: khán giả mệt. Kéo dài từng chữ: khán giả ngáp.*

Câu 16. Khi nào nên nói nhanh, khi nào nên nói chậm?

Ý chính: **Nhanh** để tạo năng lượng, **chậm** cho nội dung quan trọng.

Ý phụ:

- Nhanh: mở đầu, kể chuyện, giao tiếp ấn tượng
- Chậm: chia sẻ cảm xúc, kết luận, thông điệp

Ví dụ minh họa: *Kể chuyện thì nhanh; câu thông điệp 'Cho đi là cách nhanh nhất để lớn lên' thì nói chậm.*

Câu 17. Nói quá to hay quá nhỏ có hậu quả gì?

Ý chính: **Quá to** làm mệt người nghe, **quá nhỏ** thể hiện thiếu tự tin.

Ý phụ:

- Quá to: người nghe khó chịu
- Quá nhỏ: người nghe không bắt được ý
- Cần: đủ nghe, thay đổi theo nội dung

Ví dụ minh họa: *Câu kêu gọi thì mạnh; câu tâm sự thì nhỏ lại, gần hơn.*

Câu 18. Vì sao phải biết ngắt nghỉ?

Ý chính: Ngắt nghỉ tạo **nhịp thở cảm xúc**, cho người nghe thời gian thấm ý.

Ý phụ:

- Tạo điểm nhấn cho câu quan trọng
- Giúp mình lấy hơi, bình tĩnh
- Tránh nói dồn khiến khán giả mệt

Ví dụ minh họa: *Sau câu 'Có một ánh đèn...' dừng 2 giây rồi mới nói tiếp: khán giả tự nhìn thấy ánh đèn.*

Bài 5 · Chất giọng khỏe, lấy hơi sâu, tròn vành rõ chữ

Câu 19. Hít thở bằng bụng diễn ra thế nào?

Ý chính: Cơ hoành di chuyển lên xuống: **hít vào bụng căng**, **thở ra bụng thóp**.

Ý phụ:

- **Hít vào:** cơ hoành đẩy xuống, bụng căng ra
- **Thở ra:** cơ hoành nâng lên, bụng thóp vào
- Nói trên hơi thở ra

Ví dụ minh họa: *Đặt tay lên bụng, hít 4 nhịp thấy bụng phồng, thở ra đọc 'U – E – O – A – I' một hơi.*

Câu 20. Phân biệt giọng ngực và giọng bụng.

Ý chính: **Giọng bụng** có hơi sâu, vang, khỏe, bền hơn **giọng ngực**.

Ý phụ:

- Giọng ngực: nông, nhanh mệt
- Giọng bụng: lấy hơi từ bụng, âm vang
- Luyện bằng hít thở bụng

Ví dụ minh họa: Nói một đoạn dài: giọng ngực khàn sau một phút, giọng bụng vẫn khỏe.

Câu 21. Kể tên các bộ phận của bộ máy phát âm.

Ý chính: Gồm 13 bộ phận từ khoang mũi đến thực quản.

Ý phụ:

- Khoang mũi, chân răng, ngạc cứng, ngạc mềm, lưỡi gà
- Răng, môi, lưỡi, khoang miệng
- nắp thanh quản, dây thanh âm, khí quản, thực quản

Ví dụ minh họa: Phát âm 'm' thì môi chạm nhau; phát âm 'kh' thì cuống lưỡi chạm ngạc mềm.

Câu 22. Phụ âm đầu được chia thành những nhóm nào?

Ý chính: 7 nhóm theo vị trí phát âm.

Ý phụ:

- **Cuống lưỡi:** kh, ng, gh, g (khúc khích, ngại ngùng)
- **Thân lưỡi:** d, gi, ch, nh (do dự, chăm chú)
- **Đầu lưỡi:** l, th, t, d, r, tr, n (lạnh lẽo, thỉnh thoảng)
- **Môi:** b, m (bánh bèo, miệt mài)
- **Môi răng:** ph, v (phương pháp, vội vàng)
- **Răng:** x, s (xôn xao, sang sảng)
- **Hàm:** h, qu (hôm qua, hoa quả)

Ví dụ minh họa: Luyện 'khúc khích, ngại ngùng, gấp gờ' để rèn nhóm cuống lưỡi.

Câu 23. Kể các nhóm nguyên âm và âm cuối.

Ý chính: Có 4 nhóm: nguyên âm đơn, bán âm cuối, phụ âm cuối, nguyên âm đôi.

Ý phụ:

- **Nguyên âm đơn:** i-ư-u, ê-ơ-ô, e-a-o
- **Bán âm cuối (thu đuôi):** u, o và i, y (mau, sau, phơi phới)
- **Phụ âm cuối:** n, ng, nh và c, ch, p, t (vang vang, lách tách)
- **Nguyên âm đôi:** ia, ie, ye, ua, uô, ưa, ươ

Ví dụ minh họa: Đọc 'tình thương, bình thường' để rèn nguyên âm đôi ươ và phụ âm cuối nh, ng.

Câu 24. Tiếng Việt có bao nhiêu dấu và thanh?

Ý chính: 5 dấu, 6 thanh.

Ý phụ:

- 5 dấu: sắc, hỏi, huyền, ngã, nặng
- 6 thanh: 5 dấu + thanh ngang

- Tiếng Việt là ngôn ngữ thanh điệu: sai thanh là sai nghĩa

Ví dụ minh họa: 'Ma – má – mà – mả – mã – mạ': sáu thanh, sáu nghĩa khác nhau.

Câu 25. Bài tập 'gọi dò' để làm gì?

Ý chính: Luyện giọng ở **3 cấp độ khoảng cách**, giải phóng âm lượng và hình thể.

Ý phụ:

- Cách 2–3 m
- Dò ở giữa sông
- Dò ở bên kia sông
- Vượt qua e dè, ngại ngùng khi gọi to

Ví dụ minh họa: Gọi 'Đò ơi!' ba lần, mỗi lần to hơn và xa hơn, đứng thẳng, hơi từ bụng.

Câu 26. Bài tập đếm 'ông sao' rèn kỹ năng gì?

Ý chính: Rèn **hơi thở và sự tập trung**: đếm từ chậm sang nhanh bằng một hơi.

Ý phụ:

- Không ngắt quãng
- Không lú lẫm, không nói nhịu
- Tập trung cao độ vào nội dung mình nói

Ví dụ minh họa: '1 ông sao sáng, 2 ông sáng sao... 10 ông sáng sao' đọc một hơi, tăng dần tốc độ.

Câu 27. Khi luyện nguyên âm U-E-O-A-I cần lưu ý gì?

Ý chính: **3 lưu ý**: bật hơi bằng giọng bụng, tròn vành, khẩu hình đọc.

Ý phụ:

- **Bật hơi** bằng giọng bụng
- **Tròn vành**, không bẹt môi
- Áp dụng **khẩu hình đọc**

Ví dụ minh họa: Đọc 'U – E – O – A – I' trước gương, thấy miệng mở tròn, không bẹt sang hai bên.

Bài 6 · Luyện giọng theo chủ đề

Câu 28. Khi đọc bản tin thời sự, giọng cần như thế nào?

Ý chính: Rõ ràng, chuẩn mực, ít cảm xúc cá nhân.

Ý phụ:

- Tốc độ vừa phải
- Cường độ ổn định
- Nhấn đúng số liệu, tên riêng

Ví dụ minh họa: 'Đến năm 2050, có thể có tới 3,7 triệu người Việt Nam phải di dời do ngập lụt.' Đọc đều, rõ, nhấn '3,7 triệu'.

Câu 29. Khi đọc phóng sự, giọng cần như thế nào?

Ý chính: Giàu hình ảnh, chậm rãi, ấm áp.

Ý phụ:

- Nhấn vào chi tiết đặc sắc
- Nhịp chậm để người nghe 'thấy' cảnh
- Giọng gần gũi, thanh tịnh

Ví dụ minh họa: 'Toạ lạc tại QL30, chùa Hưng Thiền mang vẻ đẹp cổ kính, thanh tịnh...' đọc chậm, mềm.

Câu 30. Khi đọc thông điệp kêu gọi, cần làm gì?

Ý chính: Giọng mạnh mẽ, dứt khoát, tăng lực ở lời kêu gọi.

Ý phụ:

- Tăng cường độ ở câu hành động
- Ngừng một nhịp trước câu quan trọng nhất
- Kết bằng câu chậm, chắc

Ví dụ minh họa: 'Hãy cùng nhau tạo dựng một tương lai xanh, sạch và bền vững!' ngừng trước 'xanh', nhấn ba từ cuối.

Câu 31. Khi đọc tản văn như 'Hạnh phúc', giọng ra sao?

Ý chính: Chậm, trầm, mềm, nhiều ngắt nghỉ để suy ngẫm.

Ý phụ:

- Tốc độ chậm
- Cao độ thấp, ấm
- Ngắt nghỉ dài sau câu đẹp

Ví dụ minh họa: 'Hạnh phúc có lẽ không phải là một đích đến mà là một hành trình.' đọc chậm, nghỉ sau 'đích đến'.

Câu 32. Khi chia sẻ về 'Động lực thành công', giọng ra sao?

Ý chính: Giọng truyền cảm hứng: nhấn từ khoá, dâng dần cường độ.

Ý phụ:

- Nhấn: mục tiêu, kiên trì, quyết tâm
- Tốc độ vừa, tăng dần
- Chốt bằng câu chậm và chắc

Ví dụ minh họa: 'Thành công không chỉ là điểm đến, mà còn là hành trình.' nhấn 'hành trình', nói chậm.

Bài 7 · Talkshow, đối thoại tự tin

Câu 33. Hỏi bằng bộ câu hỏi nào để khai thác câu chuyện?

Ý chính: Bộ câu hỏi 5W1H: Who, Where, What, Why, When, How.

Ý phụ:

- Who: ai · Where: ở đâu · What: gì

• **Why:** vì sao • **When:** khi nào • **How:** như thế nào

Ví dụ minh họa: Hỏi khách mời: 'Điều gì khiến anh bắt đầu? Lần đầu là khi nào? Anh làm bằng cách nào?'

Câu 34. Nêu 5 bước để vượt qua nỗi sợ khi nói trước đám đông.

Ý chính: 5 bước (theo ghi chú): hiểu, chuẩn bị, thở, bắt đầu nhỏ, thực hành.

Ý phụ:

- **Hiểu** rằng sợ là bình thường
- **Chuẩn bị** kỹ để bớt sợ
- **Thở** sâu, thả lỏng
- **Bắt đầu** từ những điều đơn giản
- **Thực hành** thật nhiều

Ví dụ minh họa: Tập nói trước gương 3 lần, rồi nói trước một người bạn, rồi mới lên sân khấu.

Câu 35. Phong thái đẹp khi ngồi tham dự talkshow?

Ý chính: Ngồi thẳng, thoải mái, hướng về người nói.

Ý phụ:

- Lưng thẳng, không rũ vai
- Tay đặt gọn
- Biểu cảm theo nội dung đang nghe

Ví dụ minh họa: Khách nói chuyện cảm động thì khuôn mặt dịu lại, gật đầu nhẹ.

Câu 36. Kỹ năng lắng nghe gồm những gì?

Ý chính: Lắng nghe là nhìn, không ngắt lời, phản hồi.

Ý phụ:

- Nhìn người nói
- Không ngắt lời
- Gật đầu hoặc phản hồi đúng lúc
- Hỏi lại để làm rõ

Ví dụ minh họa: 'Vậy ý anh là trước đây anh từng rất sợ, đúng không?' (hỏi lại để chắc mình hiểu).

Bài 8 · Dẫn giới thiệu tiết mục, đệm nhạc

Câu 37. Có những cách nào để dẫn giới thiệu một tiết mục?

Ý chính: Có 5 cách bắt đầu: nhạc sĩ, ca sĩ, ca khúc, chủ đề, trích dẫn.

Ý phụ:

- Bắt đầu từ **nhạc sĩ**
- Bắt đầu từ **ca sĩ**
- Bắt đầu từ **ca khúc**

- Bắt đầu từ **chủ đề** của ca khúc
- Bắt đầu từ **trích dẫn** tinh thần ca khúc

Ví dụ minh họa: Trích dẫn: 'Vây ta hãy sống hết mình hôm nay, và yêu thương những người xung quanh...'

Câu 38. Một lời dẫn giới thiệu tiết mục tốt gồm những thông tin gì?

Ý chính: Gồm **tên ca khúc**, **tác giả**, **người trình bày** và lời mời.

Ý phụ:

- Thông điệp ngắn gọn của tiết mục
- Kết bằng lời mời thưởng thức
- Mời vỗ tay chào đón nghệ sĩ

Ví dụ minh họa: 'Ca khúc *Sống hết mình*, sáng tác Adam Hoàng Thiện và Nile Trường Giang, qua phần thể hiện của ca sĩ Nile Trường Giang.'

Câu 39. Hãy dẫn giới thiệu ca khúc 'Sống hết mình' (bắt đầu từ ca khúc).

Ý chính: Mở bằng **cảm nhận về ca khúc**, nêu tên, tác giả, rồi mời nghe.

Ý phụ:

- Nói tinh thần của bài hát
- Nêu tên bài, tác giả
- Mời lắng nghe qua phần trình bày của ca sĩ

Ví dụ minh họa: 'Quý vị thân mến! Có một ca khúc mang trong mình tinh thần tươi mới, mạnh mẽ và đầy cảm hứng, như lời nhắc chúng ta trân trọng từng giây phút của cuộc sống. Đó chính là *Sống hết mình*, của Adam Hoàng Thiện và Nile Trường Giang. Xin mời quý vị cùng lắng nghe qua phần thể hiện của ca sĩ Nile Trường Giang.'

Câu hỏi tình huống

Câu 40. Đang nói thì bạn quên lời.

Ý chính: Dừng, thở, nói tiếp bằng ý kế tiếp.

Ý phụ:

- Dừng 2 giây, hít một hơi bụng
- Nhìn khán giả, nhắc lại câu cuối vừa nói để lấy đà
- Nếu vẫn chưa nhớ: nói tiếp ý chính kế tiếp

Ví dụ minh họa: '...và đó là điều mình học được. (ngừng) Điều thứ hai là...' Khán giả sẽ tưởng bạn cố ý nghỉ.

Câu 41. Bạn run, tim đập nhanh trước khi lên sân khấu.

Ý chính: Hiểu run là bình thường, rồi thở và chuẩn bị câu mở đầu.

Ý phụ:

- Thở bụng chậm vài nhịp, thả lỏng vai

- Thuộc kỹ câu mở đầu
- Bắt đầu từ câu đơn giản

Ví dụ minh họa: Nghĩ: 'Run nghĩa là mình coi trọng khán giả.' Hít 4 nhịp, thở ra 4 nhịp, rồi bước lên.

Câu 42. Mic bị hú hoặc không có tiếng.

Ý chính: Bình tĩnh, kiểm tra cách cầm mic, báo kỹ thuật.

Ý phụ:

- Kiểm tra khoảng cách 2–5 cm, tránh hướng vào loa
- Nếu vẫn lỗi: báo nhẹ nhàng cho kỹ thuật
- Nói to hơn, rõ hơn bằng giọng bụng

Ví dụ minh họa: 'Xin lỗi quý vị, mình xin phép chỉnh âm thanh một chút.' rồi nói tiếp bằng giọng bụng.

Câu 43. Khán giả ồn ào hoặc mất tập trung.

Ý chính: Dừng lại, đổi nhịp, kéo họ trở lại.

Ý phụ:

- Im lặng 2 giây, nhìn khán giả
- Hạ giọng hoặc đổi nhịp
- Đặt một câu hỏi ngắn
- Dùng ánh mắt và cử chỉ

Ví dụ minh họa: 'Các bạn đoán xem, con số này là bao nhiêu?' (cả lớp quay lại nhìn).

Câu 44. Bị hỏi một câu bạn không biết trả lời.

Ý chính: Cảm ơn, nói thật, chia sẻ phần mình biết.

Ý phụ:

- Cảm ơn câu hỏi
- Nói thật là chưa chắc
- Chia sẻ phần liên quan, hẹn tìm hiểu thêm
- Không bịa

Ví dụ minh họa: 'Cảm ơn bạn. Phần này mình chưa chắc, nhưng điều mình biết là... Mình sẽ tìm hiểu thêm và chia sẻ lại.'

Câu 45. Bạn có đúng 30 giây để giới thiệu bản thân.

Ý chính: Chào → tên/ngành → điểm đặc biệt → mong muốn → cảm ơn.

Ý phụ:

- Chào đúng đối tượng
- Một điểm đặc biệt (chơi chữ hoặc câu chuyện)
- Mong muốn ngắn, cảm ơn

Ví dụ minh họa: 'Chào cả lớp, mình là Nam, người cao nhất lớp. Mình làm kỹ thuật. Mong được học cách nói thật tự tin. Cảm ơn mọi người.'

Câu 46. Sắp hết giờ mà chưa nói xong.

Ý chính: Tóm ý chính còn lại, nhảy sang thông điệp và cảm ơn.

Ý phụ:

- Không nói nhanh bất thường
- Bỏ ví dụ phụ, giữ ý chính
- Kết bằng thông điệp và lời cảm ơn

Ví dụ minh họa: *'Vì thời gian có hạn, mình xin tóm lại: cho đi là cách nhanh nhất để lớn lên. Xin cảm ơn.'*

Câu 47. Bạn dẫn tiết mục mà người biểu diễn chưa sẵn sàng.

Ý chính: Kéo dài tự nhiên, giữ nụ cười, không để trống sóng.

Ý phụ:

- Kể một câu chuyện ngắn
- Hoặc hỏi khán giả một câu
- Không tỏ ra lúng túng

Ví dụ minh họa: *'Trong lúc chờ, mình hỏi cả khán phòng: ai còn nhớ bài hát đầu tiên mình thuộc lòng?'*

Câu 48. Đang trò chuyện mà bạn bị bí từ.

Ý chính: Thở, dùng câu đệm, nhắc lại ý trước.

Ý phụ:

- Hít một hơi
- Dùng câu đệm ngắn
- Hỏi ngược lại người đối diện

Ví dụ minh họa: *'Để mình nghĩ một chút... À, ý mình là...' hoặc 'Còn bạn thì nghĩ sao?'*

Câu 49. Bạn nói chuyện với người lớn tuổi cần lưu ý gì?

Ý chính: Chậm, rõ, đủ to, kiên nhẫn, tôn trọng.

Ý phụ:

- Lặp lại ý chính
- Nhìn thẳng khi nói
- Không nói tắt, tiếng lóng

Ví dụ minh họa: *'Bác ơi, bước đầu tiên là bấm vào đây ạ. Bác bấm thử đi, con ở đây.'*

Câu 50. Bạn bị phản biện gay gắt khi thuyết trình.

Ý chính: Nghe hết, cảm ơn, tóm lại, trả lời bình tĩnh.

Ý phụ:

- Không ngắt lời
- Tóm ý của họ để chắc mình hiểu
- Trả lời bằng thông tin, giọng bình tĩnh

Ví dụ minh họa: *'Cảm ơn bạn. Mình hiểu ý bạn là cách làm này chưa phù hợp. Mình xin giải thích'*

thêm...'

Câu 51. Bạn phải mở đầu một buổi gặp mặt với người chưa quen.

Ý chính: Chào đúng đối tượng, giới thiệu, nêu lý do, mời chia sẻ.

Ý phụ:

- Giới thiệu tên và nghề ấn tượng
- Nêu lý do buổi gặp
- Mời mọi người cùng chia sẻ

Ví dụ minh họa: *'Kính chào các anh chị. Hôm nay mình rất vui được gặp mọi người. Mình xin phép bắt đầu bằng một câu hỏi nhỏ...'*